

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số: 84/QĐ-ĐHKG ngày 25 tháng 8 năm 2023
của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang)

Tên chương trình: Tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam (Vietnamese Language and Culture)

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam

Mã ngành: 7220101

I. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (POs)

1.1 Mục tiêu chung: Cung cấp những kiến thức cơ bản, hệ thống, hiện đại và thiết thực về Tiếng Việt, Văn hoá Việt Nam để sinh viên sau khi tốt nghiệp có khả năng giảng dạy về tiếng Việt, văn hoá Việt Nam, có khả năng đi sâu nghiên cứu về văn hoá, văn học, lịch sử, ngôn ngữ, kiến trúc, du lịch Việt Nam; tạo nguồn nhân lực có trình độ cao về tiếng Việt và Văn hoá Việt Nam, phục vụ cho các trung tâm nghiên cứu và đào tạo tiếng Việt, Văn hoá Việt Nam, Du lịch, cơ quan ngoại giao nước ngoài, các công ty- tổ chức về văn hoá, giáo dục, du lịch, các văn phòng đầu tư ở trong nước và ngoài nước.

1.2 Mục tiêu cụ thể:

- Về kiến thức:

+ PO1: Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản của Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có tri thức cơ bản về khoa học tự nhiên, xã hội và nhân văn;

+ PO2: Trang bị kiến thức về văn hoá, ngôn ngữ, báo chí, du lịch.

- Về kỹ năng:

+ PO3: Hướng dẫn sinh viên vận dụng được kiến thức để phát huy tính tự giác, tinh thần trách nhiệm, có lập trường, tư tưởng kiên định, bản lĩnh chính trị vững vàng, góp phần tích cực vào cuộc đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu, thủ đoạn chống phá của các thế lực thù địch;

+ PO4: Có các kỹ năng ngoại ngữ, công nghệ thông tin và các kỹ năng mềm; từ đó vận dụng vào cuộc sống, học tập và công việc sau này;

+ PO5: Phát triển được kỹ năng nghiên cứu ngôn ngữ, kỹ năng viết báo, biên tập báo chí; kỹ năng nghiệp vụ hướng dẫn du lịch;

- Về thái độ:

+ PO6: Kích thích tư duy, tạo hứng thú để sinh viên có ý thức trong học tập, giúp sinh viên tin tưởng vào nền tảng tư tưởng của Đảng và xây dựng niềm tin, lý tưởng cách mạng;

- PO7: Tạo điều kiện cho sinh viên rèn luyện năng lực tư duy lý luận để vạch ra phương hướng nhận thức khóa học, từ đó giải quyết những vấn đề cấp bách đang diễn ra trong thực tiễn cuộc sống. Giúp sinh viên có ý thức được trong hoạt động nhận thức, hoạt động thực tiễn từ đó làm theo quy luật, tôn trọng quy luật;

- PO8: Trân trọng những giá trị tinh hoa văn hoá Việt, bảo vệ di tích lịch sử, thắng cảnh và giữ gìn phát huy văn hóa các dân tộc trên thế giới và Việt Nam;

II. CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PLOs)

Sau khi tốt nghiệp chương trình đào tạo, sinh viên có khả năng:

2.1. Học phần khối kiến thức đại cương

- PLO1: Áp dụng được kiến thức nền tảng về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học chính trị, pháp luật vào các vấn đề thực tiễn.- (PLO2) Vận dụng được những kiến thức cơ bản về văn học, ngôn ngữ và văn hoá vào giải quyết những lĩnh vực cụ thể của chuyên ngành;

- PLO2: Vận dụng được kiến thức giáo dục An ninh – Quốc phòng và đạt năng lực thể chất.

- PLO3: Sử dụng ngoại ngữ đạt trình độ tối thiểu tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam (theo Thông tư số 01/2014/TT-BGDĐT). Việc quy đổi công nhận một số chứng chỉ ngoại ngữ tương đương bậc 3/6 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho người Việt Nam được thực hiện theo quy định hiện hành.

- PLO4: Có trình độ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư liên tịch số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT).

- PLO5: Thể hiện năng lực dẫn dắt về chuyên môn và nghiệp vụ đã được đào tạo, khả năng tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc, năng lực học tập suốt đời và động cơ khởi nghiệp

- PLO6: Tuân thủ pháp luật, thể hiện sự hiểu biết về các chuẩn mực đạo đức và ý thức trách nhiệm đối với công việc và cộng đồng

2.2. Học phần khối kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành

- PLO7: Có năng lực nghiên cứu về ngôn ngữ, văn học, văn hóa để giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành.

- PLO8: Vận dụng kiến thức chuyên sâu về các loại hình du lịch vào môi trường làm việc.

- PLO9: Phát triển được kỹ năng viết báo, biên tập báo chí, kỹ năng truyền thông, kỹ năng lưu trữ văn thư.

- PLO10: Vận dụng được những kỹ năng nghiệp vụ phù hợp với công việc hướng dẫn du lịch.

- PLO11: Sáng tạo phương pháp dạy tiếng Việt, kỹ năng tổ chức các cuộc họp, tổ chức sự kiện, truyền thông vào nghề nghiệp.

- PLO12: Có lập trường chính trị tư tưởng, có năng lực tự chủ và trách nhiệm; biết vận dụng lý luận chính trị, quân sự, pháp luật và các phương pháp rèn luyện sức khỏe để thực hiện nghĩa vụ công dân và phát triển cá nhân.

- PLO13: Trân trọng những giá trị tinh hoa văn hoá Việt, bảo vệ di tích lịch sử, thắng cảnh và giữ gìn phát huy văn hóa các dân tộc trên thế giới và Việt Nam.

Bảng 1: Quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT

Mục tiêu (POs)	Chuẩn đầu ra (PLOs)												
	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
PO1	X	X										X	
PO2	X						X	X	X	X	X		X
PO3		X			X	X						X	
PO4			X	X						X			
PO5									X	X	X		
PO6						X							X
PO7	X				X							X	
PO8													X

Bảng 2: Kiểm tra mức độ đáp ứng của các CDR CTĐT với khung trình độ Quốc gia (bậc Đại học)

Khung TD QG PLOs	Kiến thức					Kĩ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO1		X					X					X			
PLO2		X				X						X			
PLO3	X										X	X	X		
PLO4			X			X			X			X	X		
PLO5					X		X							X	X
PLO6		X								X			X		
PLO7					X				X					X	
PLO8	X			X		X		X	X						X
PLO9	X				X	X		X		X		X		X	

Khung TĐ QG PLOs	Kiến thức					Kĩ năng						Mức tự chủ và trách nhiệm			
	KT 1	KT 2	KT 3	KT 4	KT 5	KN 1	KN 2	KN 3	KN 4	KN 5	KN 6	TCT N1	TCT N2	TCT N3	TCT N4
PLO10	X			X		X				X				X	
PLO11				X			X		X			X			
PLO12		X					X					X			
PLO13	X			X						X		X		X	

III. KHỐI LƯỢNG KIẾN THỨC TOÀN KHÓA: 121 tín chỉ

Bảng 3: Cấu trúc kiến thức của chương trình

STT	Khối kiến thức	Số tín chỉ		
		Tổng cộng	Bắt buộc	Tự chọn
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	24	4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	75	18
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	30	26	4
2.2	Kiến thức chuyên ngành	53	49	4
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	0	10
Tổng cộng:		121	99	22

Bảng 4: Ma trận giữa các khối kiến thức và PLOs

Khối kiến thức		Số tín chỉ	Tỷ lệ	PLOs																	
				PLO1	PLO2	PLO3	PLO4	PLO5	PLO6	PLO7	PLO8	PLO9	PLO10	PLO11	PLO12	PLO13					
I	Kiến thức giáo dục đại cương	28	23,1%	X	X	X	X	X	X	X											
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp	93	76,9%	X		X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	30	32,2%	X		X									X						
2.2	Kiến thức chuyên ngành	53	57%	X						X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X	X
2.3	Khóa luận tốt nghiệp hoặc tương đương	10	10,8%	X																	
Tổng cộng		121	100%																		

IV. DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
I. Kiến thức giáo dục đại cương			28				
<i>1.1 Khối kiến thức bắt buộc</i>			24				
1	Z25005	Triết học Mác – Lênin	3	37	0	8	45
2	Z25006	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	2	21	0	9	30
3	Z25007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	24	0	6	30
4	Z25008	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	22	0	8	30
5	Z25009	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	0	9	30
6	A25001	Pháp luật đại cương	2	21	0	9	30
7	G25170	Tin học cơ sở	3	30	30	0	60
8	F25011	Tiếng Anh 1	2	15	0	15	30
9	F25012	Tiếng Anh 2	3	21	0	24	45
10	F25013	Tiếng Anh 3	3	21	0	24	45
<i>1.2 Kiến thức bắt buộc (Không tích lũy)</i>			12				
11	Z25010	Giáo dục thể chất 1	1	0	30	0	30
12	Z25011	Giáo dục thể chất 2	1	0	30	0	30
13	Z25012	Giáo dục thể chất 3	1	0	30	0	30
14	Z25001	Đường lối Quốc phòng và An ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	45	0	0	45
15	Z25002	Công tác quốc phòng và an ninh	2	30	0	0	30
16	Z25003	Quân sự chung	2	14	16	0	30
17	Z25004	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật	2	0	60	0	60
			4				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
1.3 Kiến thức tự chọn							
18	A25002	Âm nhạc đại cương	2	15	30	0	45
19	A25013	Thực hành văn bản Tiếng Việt	2	15	0	15	30
20	A25014	Nghệ thuật giao tiếp	2	15	30	0	45
21	C25001	Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo	2	15	30	0	45
22	A25007	Cơ sở văn hoá Việt Nam	2	15	0	15	30
II. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			93				
* Kiến thức cơ sở ngành			30				
2.1 Kiến thức bắt buộc			26				
23	A26208	Nhập môn ngành	1	0	30	0	30
24	A26213	Phương pháp nghiên cứu khoa học trong TV&VHVN	2	15	0	15	30
25	A26214	Lịch sử văn minh thế giới	2	15	0	15	30
26	A26099	Lịch sử tiếng Việt	2	15	0	15	30
27	A26211	Di tích thắng cảnh Việt Nam	2	15	30	0	45
28	A26210	Tổng quan du lịch	2	15	0	15	30
29	A26107	Văn hóa thế giới	2	15	0	15	30
30	A26105	Phong tục và lễ hội ở Việt Nam	3	30	30	0	60
31	A26160	Tâm lý du khách và kỹ năng giao tiếp trong du lịch	2	15	0	15	30
32	A26098	Ngôn ngữ học đại cương	2	15	0	15	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
33	A26111	Tổng quan ngôn ngữ các dân tộc thiểu số ở Việt Nam	2	15	0	15	30
34	A26218	Văn hóa truyền thống	2	15	0	15	30
35	A26216	Ngữ âm tiếng Việt	2	15	0	15	30
2.2 Kiến thức tự chọn			4				
36	A26163	Văn hoá các dân tộc Việt Nam	2	15	0	15	30
37	A26106	Địa danh học và địa danh Việt Nam	2	15	30	0	45
38	A26103	Văn hoá làng xã Việt Nam	2	15	0	15	30
39	A26215	Nghệ thuật học	2	15	0	15	30
* Kiến thức ngành			55-61				
2.3 Kiến thức bắt buộc			49				
40	A27343	Văn học dân gian Việt Nam	3	30	0	15	45
41	A27344	Văn học Việt Nam 1	3	30	0	15	45
42	A27345	Văn học Việt Nam 2	3	30	0	15	45
43	A27136	Phương ngữ học Tiếng Việt	3	30	0	15	45
44	A27163	Từ vựng - Ngữ nghĩa học tiếng Việt	3	30	0	15	45
45	A27157	Danh nhân đất Việt	2	15	30	0	45
46	A27142	Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch	3	15	60	0	75
47	A27159	Du lịch tôn giáo – Tâm linh	3	15	60	0	75
48	A27347	Thực tập nghề nghiệp TV&VIIVN	4	0	120	0	120

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
49	A27348	Thực tập thực tế	3	0	90	0	90
50	A27357	Lữ hành nội địa và quốc tế	2	15	0	15	30
51	A27341	Tổ chức sự kiện và Du lịch MICE	3	15	30	15	60
52	A27143	Kỹ năng Thuyết minh du lịch	2	15	30	0	45
53	A27144	Tiếng Anh chuyên ngành TV&VHVN 1	2	15	0	15	30
54	A27145	Tiếng Anh chuyên ngành TV&VHVN 2	2	15	0	15	30
55	A27162	Phương pháp Biên tập văn bản báo chí	2	15	30	0	45
56	A27158	Tuyển điểm du lịch Việt Nam	2	15	30	0	45
57	A27139	Du lịch sinh thái	2	15	30	0	45
58	A27138	Du lịch văn hoá	2	15	0	15	30
2.4 Kiểu thức tự chọn			4				
59	A27160	Văn hoá trang phục Việt Nam	2	15	0	15	30
60	A27349	Ngữ pháp học chức năng	2	15	0	15	30
61	A27214	Kỹ năng hoạt náo trong du lịch	2	15	30	0	45
62	A27300	Kỹ năng giới thiệu sản phẩm du lịch	2	15	0	15	30
* Khóa luận tốt nghiệp:							
63	A28059	Khoá luận tốt nghiệp TV&VHVN	10	0	300	0	300
* Học phần thay thế							
64	A28060	Ngữ dụng học	2	15	0	15	30
65	A28071	Nghiệp vụ văn thư – lưu trữ	2	15	0	15	30

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số tiết			
				Lý thuyết	Thực hành/Thí nghiệm	Bài tập ứng dụng	Tổng
66	A28062	Phương pháp dạy tiếng Việt	2	15	0	15	30
67	A28064	Tôn giáo trên thế giới và Việt Nam	2	15	0	15	30
68	A28063	Luật pháp và đạo đức báo chí	2	15	0	15	30

V. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ vào chương trình đào tạo Khoa tổ chức xây dựng Kế hoạch giảng dạy phù hợp với hình thức đào tạo của trường theo Quyết định số 498/QĐ-ĐHKG ngày 18 tháng 08 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Kiên Giang ban hành Quy chế đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Kiên Giang.

Căn cứ vào Kế hoạch giảng dạy của khoa, sinh viên chủ động sắp xếp kế hoạch học tập sao cho phù hợp với khả năng, năng lực của mình và đáp ứng được yêu cầu của chương trình đào tạo. /.

HIỆU TRƯỞNG
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Văn Thành